

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/DS-PT
Ngày: 22 - 01 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Xuân Trúc

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/12/2017 và ngày 22/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2017/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1958.

Bà Mai Thanh Loan, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Khởi, bà L: Ông Ngô Đình Chiến – sinh năm: 1958; thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đặng Tuyết N, sinh năm: 1972.

Ông Lê Thanh Đ, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Số 47/29, đường 3/2, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đ: Bà Đặng Tuyết N (Văn bản ủy quyền ngày 10/03/2017 – Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, ông Đ: Luật sư Đặng Huỳnh Q, là Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Đặng Tuyết N và ông Lê Thành Đạt – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Ngô Đình Chiến (đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Khởi, bà L) trình bày: Vào năm 2010, ông Kvà bà L có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Minh Cảnh ngang 5m, dài 19m tọa lạc tại đường 3/2, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Năm 2011, ông Kvà bà L làm thủ tục chuyển tên và có bà Đặng Tuyết N ký hộ giáp ranh. Đến năm 2013, ông Đ và bà N tiến hành xây dựng nhà ở và lấn chiếm qua phần đất ông Khởi, bà L ngang 0,10m dài 17m, diện tích 1,7m². Do đó, ông Kvà bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà N trả lại phần đất lấn chiếm ngang 0,10m, dài 17m, diện tích 1,7m².

Theo bà Đặng Tuyết N trình bày: Vào năm 2001, bà và ông Đ có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Trương Hồng Đẹp diện tích 129,7m², các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng, phần đất tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau. Đến tháng 8/2002, bà và ông Đ cất nhà tiền chế để ở và sử dụng cho đến nay. Đến tháng 12/2003, được Ủy ban nhân dân Phường 6 ký xác nhận vào hợp đồng chuyển nhượng. Hiện nay phần đất chuyển nhượng trên chưa tách quyền sử dụng đất, vẫn còn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trương Hồng Đẹp đứng tên. Ông Khởi, bà L cho rằng vợ chồng bà lấn chiếm phần đất ngang 0,10m, dài 17m là không đúng sự thật. Vì phần đất của vợ chồng bà có kích thước ngang 5,9m, nhưng hiện nay vợ chồng bà chỉ sử dụng 1,7m; phần còn lại 4,2m ông Kvà bà L xây nhà lấn chiếm của vợ chồng bà. Bà N không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Kvà bà L; đồng thời yêu cầu buộc ông Kvà bà L trả lại phần đất lấn chiếm ngang là 4,2m dài 17m.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2017/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ các điều 174, khoản 2 điều 175, 176 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 203 luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Thanh Đ và bà Đặng Tuyết N trả cho ông Huỳnh Hoàng K và bà Mai Thanh Loan phần đất lấn chiếm ngang 0,10m; dài 17m cặp ranh giới giữa hai hộ, theo chiều không gian thẳng đứng từ lòng đất đến không gian tại khóm 4, phường 6 thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Ông Đ, bà N phải tự tháo dỡ phần tol thiết có trên phần đất.

(Theo biên bản đo vẽ ngày 05/6/2017 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2017, bà N và ông Đ có đơn kháng cáo cho rằng án sơ thẩm tuyên gây thiệt hại đến quyền lợi của vợ chồng ông bà; đồng thời cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng (Đơn khởi kiện của ông Kvà bà L không ghi ngày, tháng). Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kvà bà L; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N và ông Đ; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Kvà bà L; chi phí liên quan đến vụ án buộc ông Kvà bà L phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà N và ông Đ phát biểu: Phần đất ông Đ và bà N chuyển nhượng của bà Đẹp hiện nay vẫn còn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đẹp đứng tên. Theo sơ đồ phần đất trong quyền sử dụng thì phần đất có kích thước đều nhau chứ không như thực tế hiện nay bà N và ông Đ sử dụng. Qua xác minh của Tòa án thể hiện năm 2013, khi ông Kxây nhà thì bà N đã có yêu cầu giải quyết về việc ông Kxây nhà lấn chiếm qua phần đất của bà N và ông Đ. Qua xác minh đối với ông Cảnh. Ông Cảnh xác định không có việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất của ông Cảnh theo quyền sử dụng trước đây khi làm lộ đã bị thu hồi một phần (diện tích còn lại không đủ 90m²). Đồng thời, ông Kxác định chỉ chuyển nhượng phần đất cho ông Kvà và bà L, ngoài ra không có chuyển nhượng cho ai khác như ông Khởi, bà L trình bày. Việc bà N cho rằng ông Kvà và bà L lấn chiếm đất là có căn cứ; việc ông Kvà và bà L cho rằng bà N và ông Đ lấn chiếm đất là không có căn cứ. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà N và ông Đ: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kvà và bà L; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 101/2017/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà N và ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đơn khởi kiện của ông Kvà và bà L không ghi ngày, tháng nhưng các nội dung trong đơn khởi kiện thực hiện đúng quy định pháp luật nên không xem là cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng để hủy án sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp ông Kvà và bà L yêu cầu ông Đ và bà N trả lại có kích thước ngang 0,10m, dài 17m, diện tích 1,7m². Phần đất bà N và ông Đ phản tố yêu cầu ông Kvà và bà L trả lại có kích thước chiều ngang: cạnh N2M3 bằng 0,10m và cạnh M4N1 bằng 4,54m; chiều dài: cạnh N1N2 bằng 17m và cạnh M3M4 bằng 17,5m, diện tích 39,5m².

Phần đất ông Kvà và bà L sử dụng thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 36, diện tích 90m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/3/2014. Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Minh Cảnh và bà Dương Hồng Hạnh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2010, chiều ngang 05m, chiều dài cạnh 17m và cạnh 19m, diện tích 90m²; ông Cảnh và bà Hạnh chuyển nhượng cho ông Huỳnh Hoàng Nhân vào ngày 23/11/2010; đến ngày 20/4/2011, ông Nhân chuyển nhượng lại cho ông Đặng Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thọ; đến ngày 20/6/2011, ông Bình và bà Thọ chuyển nhượng lại cho ông Kvà và bà L. Qua

nhiều lần chuyển nhượng, nhiều chủ sử dụng nhưng vị trí, kích thước, diện tích đất vẫn không thay đổi.

Phần đất ông Đ và bà N sử dụng thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 09 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trương Hồng Đẹp đứng tên (hiện nay không xác định được địa chỉ bà Đẹp do đã đi nước ngoài, nên cấp sơ thẩm không làm việc được với bà Đẹp và không đưa bà Đẹp vào tham gia tố tụng). Theo Giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 31/01/2001 thể hiện ông Đ và bà N nhận chuyển nhượng của bà Trương Hồng Đẹp và ông Lê Thanh Điền phần đất diện tích 129,7m² (ông Đ và bà N xác định thực tế phần đất này là tặng cho chứ không phải chuyển nhượng) nhưng không thể hiện kích thước, ranh giới của phần đất chuyển nhượng.

Tại biên bản xác minh, đo đạc hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cảnh ngày 29/10/2010 thể hiện kết quả đo đạc phần đất của ông Cảnh có diện tích 90m², phía bắc giáp với đất bà Đặng Tuyết N, bà N cũng có ký tên trong biên bản là hộ kế cận, bà N cũng không có ý kiến gì đối với biên bản này. Phần đất này đến khi ông Khởi, bà L nhận chuyển nhượng, quản lý sử dụng và được cấp quyền sử dụng đất cũng không có thay đổi về diện tích, kích thước so với quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Cảnh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K và bà L thì phần đất chiều ngang có kích thước là 05m, nhưng qua đo đạc thực tế ông K và bà L chỉ sử dụng xây nhà chiều ngang kích thước 4,9 m; phần còn lại 0,10m là phần móng nhà của ông K và bà L, hiện tại ông Đ và bà N sử dụng. Ông Chiến cho rằng phần đất kích thước ngang 0,10m này do khi ông K xây nhà thì bà N phát sinh tranh chấp, ông K không muốn ảnh hưởng đến tiến độ thi công nên ông K chỉ xây ngang 4,9m; phần còn lại 0,10m ông K để lại.

Đối với phần đất bà N và ông Đ nhận chuyển nhượng của bà Đẹp và ông Điền vào năm 2001 chỉ thể hiện diện tích chứ không thể hiện ranh giới, kích thước của phần đất nhận chuyển nhượng; bà N và ông Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vẫn còn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đẹp đứng tên. Từ năm 2001 đến trước khi ông K và bà L xây nhà (năm 2013) các bên sử dụng đất ổn định không có tranh chấp. Mặt khác, tại biên bản đo đạc xác định ranh đất ngày 06/4/2011 của Phường 6, thành phố Cà Mau thể hiện phần đất ông K chiều ngang (mặt tiền và hậu) 05m; phần đất bà N chiều ngang mặt tiền 1,60m, bà N có ký tên vào biên bản và sơ đồ thửa đất.

Tại phiên tòa, bà N cho rằng năm 2013 khi ông K xây nhà lấn chiếm phần đất của bà, bà có làm đơn yêu cầu Phường 6 giải quyết. Ngày 08/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 6 thể hiện: “Khoảng năm 2002, 2003 ông K xây dựng nhà thì có phát sinh tranh chấp với bà N; Ủy ban phường 6 có tiến hành xác minh, đo đạc hiện trạng phần đất tranh chấp. Sau khi xác minh, đo đạc, Ủy ban phường 6 có tiến hành hòa giải nhưng không thành. Bà N cho rằng ông K xây nhà lấn chiếm qua đất của bà, còn cụ thể vị trí, diện tích không xác định được. Sau khi hòa giải, bà N đến nhận biên bản hòa giải và hồ sơ tranh chấp (bản gốc) để yêu cầu cơ quan cấp trên giải quyết”. Nhưng thực tế, sau đó bà N cũng không tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết. Ông K và bà L tiến hành xây nhà 03 tầng trên phần đất ông

Khởi, bà L sử dụng thì bà N và ông Đ cũng không có yêu cầu gì và cũng không có ngăn cản. Đến khi ông Khởi, bà L khởi kiện bà N và ông Đ về việc lấn chiếm phần đất ngang 0,10m thì bà N và ông Đ mới có yêu cầu phản tố cho rằng ông Kvà và bà L xây nhà lấn chiếm phần đất của ông bà ngang 4,2m.

Theo đơn phản tố của bà N và ông Đ cho rằng ông Kvà và bà L lấn chiếm phần đất mặt tiền ngang 4,2m, nhưng thực tế đo đạc theo vị trí, ranh giới do bà N xác định thì phần mặt tiền cho rằng ông Khởi, bà L lấn chiếm có kích thước 4,54m (tính cả phần tranh chấp ông Khởi, bà L yêu cầu 0,10m). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kvà và bà L, phần mặt tiền có kích thước ngang 05m; nếu trừ ra phần kích thước cho rằng ông Kvà và bà L lấn chiếm ngang 4,54m (theo đo đạc) hoặc 4,2m theo đơn yêu cầu phản tố của bà N và ông Đ thì phần đất mặt tiền của ông Kvà và bà L chỉ còn ngang 0,46 m hoặc 0,8m. Điều này là không phù hợp, vì ông Kvà và bà L không thể nào bỏ tiền để nhận chuyển nhượng phần đất có kích thước mặt tiền ngang 0,46m hoặc 0,8 m để sử dụng xây nhà ở. Mặt khác, khi ông Kvà và bà L xây nhà trên phần đất này đã có làm đơn xin phép và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho xây dựng.

Đối với phần đất bà N và ông Đ nhận chuyển nhượng của bà Đẹp, theo hợp đồng chuyển nhượng chỉ thể hiện diện tích 129,7m² chứ không thể hiện vị trí, ranh giới, kích thước (ngang, dài) của phần đất nhận chuyển nhượng. Quá trình quản lý sử dụng đất của bà N và ông Đ từ khi nhận chuyển nhượng đến trước khi ông Kvà và bà L xây nhà thì cũng không đặt ra vấn đề ông Kvà và bà L lấn chiếm đất và cũng không có tranh chấp. Tại phiên tòa, bà N chỉ đưa ra căn cứ chứng minh việc ông Kvà và bà L lấn chiếm đất là diện tích đất bà đang sử dụng thiếu so với diện tích đất còn lại trong quyền sử dụng đất của bà Đẹp đứng tên. Ngoài căn cứ này, bà N không còn căn cứ nào khác. Xét căn cứ bà N đưa ra là chưa có tính thuyết phục, chưa đủ căn cứ để chứng minh ông Kvà và bà L lấn chiếm phần đất của bà N và ông Đ.

[3] Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kvà và bà L; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N và ông Đ; buộc bà N và ông Đ phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà N và ông Đ không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm bà N và ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Tuyết N và ông Lê Thanh Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 101/2017/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hoàng K và bà Mai Thanh Loan. Buộc ông Lê Thanh Đ và bà Đặng Tuyết N trả cho ông K và bà L phần đất lấn chiếm theo đo đạc ngang: cạnh N1N5 dài 0,10m, cạnh N2M3 dài 0,10m, cạnh N1N2 dài 17m, cạnh M3N5 dài 17m, diện tích $1,7m^2$ nằm cặp ranh giới giữa phần đất của ông K và bà L với phần đất ông Đ và bà N đang sử dụng, theo chiều không gian thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Buộc ông Đ và bà N phải tháo dỡ phần kiến trúc trên phần đất tranh chấp để trả lại hiện trạng đất cho ông K và bà L.

Không chấp nhận yêu cầu yêu cầu phản tố của ông Đ và bà N đòi ông K và bà L trả phần đất cho rằng ông K và bà L lấn chiếm theo đo đạc có kích thước chiều ngang: cạnh N2M3 bằng 0,10m và cạnh M4N1 bằng 4,54m (theo đo đạc 4,54m nhưng ông Đ và bà N chỉ yêu cầu 4,2m); chiều dài: cạnh N1N2 bằng 17m và cạnh M3M4 bằng 17,5m, diện tích $39,5m^2$ tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

(Theo biên bản đo vẽ ngày 05/6/2017 được chỉnh sửa lại theo bản đo vẽ ngày 19/01/2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

Buộc ông Đ và bà N trả lại cho ông K và bà L số tiền chi phí đo đạc, trích lục hồ sơ 7.660.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Đ và bà N phải chịu 600.000 đồng. Ngày 15/3/2017 ông Đ và bà N đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0002781 đối trừ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Ông K và bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 09/02/2017 ông K và bà L đã dự nộp 300.000 biên lai thu số 0002543 được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Đ, bà N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/9/2017 ông Đ, bà N đã dự nộp 300.000 theo biên lai thu số 0003630 được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Nguyễn Thành Lập